

# HỒ SƠ MỜI THẦU

<b>Số hiệu gói thầu và số TBMT:</b>	<b>DVN-DV-1687/26-VPĐU</b>
<b>Tên gói thầu:</b>	Dịch vụ Thiết kế, minh họa, trình bày, in ấn, xin giấy phép bản in và ấn phẩm điện tử để xuất bản Bản tin Vietsovpetro.
<b>Dự án:</b>	Không
<b>Phát hành ngày:</b>	<b>11/5/2026</b>
<b>Ban hành kèm theo Quyết định:</b>	_____

# MỤC LỤC

## MÔ TẢ TÓM TẮT

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

### **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

### **PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC**

- Danh mục/Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

#### **Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

#### **Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

#### **Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT**

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của HSDT.
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật,
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính,
- Mục 5: Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có)

#### **Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

### **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật**

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn.

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

### **Phần 4. CÁC PHỤ LỤC**

- Yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TBMT	Thông báo mời thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
VND	Đồng Việt Nam

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<p><b>1. Phạm vi gói thầu</b></p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>BDL</b> phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu</b></p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong HSMT.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng nêu trong HSMT được tính theo mốc GMT+7.</p>
<p><b>3. Nguồn vốn</b></p>	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>4. Hành vi bị cấm</b></p>	<p>4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu</p>

thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT ;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:

a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế 226.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu

	<p>có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết (theo quy chế của VSP).</p>
<p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</li> <li>b) Hạch toán tài chính độc lập;</li> <li>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.</li> <li>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</li> <li>đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro.</li> <li>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</li> <li>f) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia <b>trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu</b></li> <li>g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</li> </ul> <p>5.2 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</li> <li>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</li> <li>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</li> <li>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</li> <li>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</li> </ul>
<p><b>6. Nội dung của HSMT</b></p>	<p>6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <p>Phần này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.</p> <p><b>Phần 4. Các phụ lục</b></p>

	<p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. HSMT do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ HSMT</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phát hành văn bản sửa đổi và thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu theo các hình thức được quy định tại <b>BDL</b>. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại <b>BDL</b> trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu bằng văn bản trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại <b>BDL</b> trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại <b>BDL</b> trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại <b>BDL</b>. Bên mời thầu gửi giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu và đăng tải trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT.</p> <p>7.5. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.</p>
<p><b>8. Chi phí dự thầu</b></p>	<p>Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> <p>Chi phí dự thầu được quy định tại BDL.</p>
<p><b>9. Ngôn ngữ của HSDT</b></p>	<p>HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>

<p><b>10. Thành phần của HSDT</b></p>	<p>HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được theo quy định tại Mục 11 CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Cam kết về Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 20.3 CDNT.</p> <p>10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT;</p> <p>10.9. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có);</p> <p>10.10. Chi tiết CDNT từ mục 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b></p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.</p>
<p><b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT</b></p>	<p>12.1. Trường hợp HSMT quy định tại <b>BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p><b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b></p>	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá).</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của</p>

	<p>gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VNĐ.</p>
<p><b>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</b></p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p><b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p><b>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</b></p>	<p>17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại <b>BDL</b>.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn</p>

	và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
<p><b>18. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. <b>Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.7 CDNT.</b> Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro, nhà thầu đính kèm khi nộp HSDT. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu. Thể thức bảo lãnh dự thầu theo quy định tại <b>BDL.</b></p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại <b>BDL.</b></p> <p>18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B, Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm</p>

phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp không hoàn trả bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 4-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Điều 33-CDNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 38-CDNT;

- Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo Hợp đồng. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo Hợp đồng của Bên mời thầu nhưng nhà thầu không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo Hợp đồng hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong Hồ sơ dự thầu hoặc rút lại các cam kết trong Hồ sơ dự thầu dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công thì nhà thầu sẽ không được nhận lại Bảo đảm dự thầu.

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.

Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.

**18.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đàm phán hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT**

	<p>thì phải nộp một khoản tiền hoặc bảo lãnh dự thầu, và/hoặc hợp đồng, hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
<p><b>19. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>19.2. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Địa chỉ Bên mời thầu và thời điểm đóng thầu được quy định tại <b>BDL</b>. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải nộp kèm chứng từ chuyển khoản một khoản tiền bằng giá bán HSMT trước khi HSDT được tiếp nhận. Phương thức mua và nộp HSDT được quy định cụ thể trong <b>BDL</b>.</p> <p>19.3. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p>19.4. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào được gửi đến sau thời hạn nộp hồ sơ dự thầu. Mọi Hồ sơ dự thầu mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là nộp muộn, bị loại và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p>
<p><b>20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT</b></p>	<p>20.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “<b>BẢN GỐC HSDT</b>”, “<b>BẢN CHỤP HSDT</b>”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “<b>BẢN GỐC HSDT SỬA ĐỔI</b>”, “<b>BẢN CHỤP HSDT SỬA ĐỔI</b>”, “<b>BẢN GỐC HSDT THAY THẾ</b>”, “<b>BẢN CHỤP HSDT THAY THẾ</b>”.</p> <p>Trường hợp có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “<b>BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ</b>”, “<b>BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ</b>”.</p> <p>20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p>

20.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

20.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

20.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

20.6. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU".

Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ".

Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về giá phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ".

Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

20.7. Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;
- b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại mục 19.2 CDNT;
- c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo "Không được mở trước thời điểm mở thầu".

20.8. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.6 và Mục 20.7 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.

	<p>20.9. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.10. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 20 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDT” hoặc “THAY THẾ HSDT” hoặc “RÚT HSDT”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT.</p> <p>20.11. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 20.10 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.12. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p>
<p><b>21. Mở thầu</b></p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin quy định tại Mục 21.5 CDNT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại <b>BDL</b> trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>21.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDT”, túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDT” và HSDT thay thế này sẽ được thay cho HSDT bị thay thế. HSDT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDT” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản</p>

thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc tại buổi mở HSDT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

21.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNT.

21.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 21.5 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu tại lễ mở thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

21.5. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số TBMT;
- Tên gói thầu;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời điểm hoàn thành mở thầu;
- Tổng số nhà thầu tham dự.

b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
- Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Thời gian thực hiện gói thầu;

	- Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<b>22. Bảo mật</b>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<b>23. Làm rõ HSDT</b>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>
<b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>

<p><b>25. Xác định tính đáp ứng của HSDT</b></p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p><b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<p><b>27. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng</p>

	<p>giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>
<p><b>28. Đánh giá HSDT</b></p>	<p>28.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>BDL</b> để đánh giá HSDT.</p> <p>28.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 28.1 CDNT, Bên mời thầu đánh giá HSDT theo các bước như sau:</p> <p>a) Bước 1: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để kiểm tra và đánh giá tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</li> <li>- Tổ chuyên gia kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</li> </ul> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để đánh giá: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong HSDT.</li> <li>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT để đánh giá;</li> <li>- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì</li> </ul>

	<p>được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 CDNT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>28.3. Nguyên tắc đánh giá HSDT:</p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự và tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>c) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 CDNT và bị xử lý theo quy định.</p> <p>d) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, và c khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin bản gốc HSDT và bản copy HSDT thì thông tin bản gốc HSDT là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p>
<p><b>29. Thương thảo hợp đồng</b></p>	<p>29.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSDT;</p> <p>b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có).</p> <p>29.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của</p>

	<p>nhà thầu;</p> <p>29.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 26 CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>29.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>29.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>29.6. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 31.1 CDNT.</p>
<p><b>30. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>30.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>30.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>30.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>30.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>30.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>30.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>

<p><b>31. Hủy thầu</b></p>	<p>31.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</li> <li>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</li> <li>c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</li> <li>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 - CDNT;</li> <li>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 - CDNT dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</li> </ul> <p>31.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 31.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>31.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 31.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 31.1 CDNT.</p>
<p><b>32. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>32.1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax, hoặc email. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thông tin về gói thầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> </ul> </li> <li>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> </li> <li>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được</li> </ul>

	<p>lựa chọn của từng nhà thầu (nếu có).</p> <p>32.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 31.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<b>33. Thay đổi khối lượng dịch vụ</b>	<p>33.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định <b>tại BDL</b> và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>33.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>34. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</b>	<p>Sau khi Chủ đầu tư gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi văn bản chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p>
<b>35. Điều kiện ký kết hợp đồng</b>	<p>35.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>35.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>35.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<b>36. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>36.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>36.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ol>

<p><b>37. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b></p>	<p>37.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>37.2. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>38. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

<b>CDNT 1.1</b>	Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro
<b>CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: Thuê Thiết kế, minh họa, trình bày, in ấn, xin giấy phép bản in và ấn phẩm điện tử để xuất bản Bản tin Vietsovpetro. (ITB No. <b>DVN-DV-1687/26-VPĐU</b> ) Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục CDNT 18.2 Chương này.
<b>CDNT 3</b>	Nguồn vốn: Chi phí Tiếp thị - Hoa hồng Vietsovpetro Kế hoạch tài chính 2026
<b>CDNT 5.1 (d)</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <u>    </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bên mời thầu], trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: <u>    </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</li> <li>+ Tư vấn thẩm định giá: <u>    </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</li> <li>+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: <u>    </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</li> <li>+ Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: <u>    </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</li> <li>+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: <u>    </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</li> <li>+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: <u>    </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</li> <li>+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: <u>    </u> [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</li> </ul> </li> </ul> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p>

	$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:  <math>X_i</math>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;  <math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;  <math>n</math>: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
<b>CDNT 7.1</b>	Việc sửa đổi HSMT trong thời gian tối thiểu bốn (04) ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>CDNT 7.2</b>	<p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu hai (02) ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
<b>CDNT 7.3</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: không có.
<b>CDNT 8</b>	Chi phí mua HSMT: Không áp dụng
<b>CDNT 10.10</b>	<p><b>Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:</b> ___[ghi tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với HSDT theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không yêu cầu”].</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn dự thầu có cam kết Bảo đảm dự thầu theo mẫu;</li> <li>Toàn bộ hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp (<i>yêu cầu bản sao được chứng thực hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam</i>);</li> <li>Thỏa thuận liên danh theo mẫu (nếu có);</li> <li>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định; Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định (<i>bao gồm tất cả các thành viên liên danh nếu có</i>); Cơ cấu tổ chức của nhà thầu ...</li> <li>Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định: các Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất, Hợp đồng tương tự và các Biên bản nghiệm thu hoàn thành, Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh quyết toán hợp đồng, Hóa đơn GTGT ...</li> <li>Toàn bộ phần Hồ sơ đề xuất kỹ thuật: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu; Danh sách chuyên gia, Lý lịch chuyên gia, nhân sự, tất cả các bằng cấp chứng chỉ cần thiết có liên quan, Giải pháp và phương pháp luận tổng quát, Kế hoạch thực hiện chi tiết, Tiến độ thực hiện công việc ...</li> <li>Catalog hàng hóa, dịch vụ ...</li> </ol>

	8. Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) ... để cấu thành 01 HSDT hoàn chỉnh.
<b>CDNT 12.1</b>	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
<b>CDNT 13.5</b>	<p>Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Giá chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.</p> <p>Đối với dịch vụ phi tư vấn có kèm theo hàng hóa: Hàng hóa sử dụng hạn ngạch để nhập khẩu Hàng hoá (sử dụng Quota) theo quy định của Lô 09-1: Giá trị Hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế GTGT của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên Tờ khai Hải quan nhưng đã bao gồm toàn bộ các thuế, phí và chi phí phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.</p>
<b>CDNT 17.1</b>	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>CDNT 18.1</b>	Thể thức bảo lãnh dự thầu: cam kết trong đơn dự thầu.
<b>CDNT 18.2</b>	Nội dung bảo đảm dự thầu:
<b>CDNT 18.4</b>	Thời gian hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: (Không áp dụng)
<b>CDNT 19.1</b>	Thời điểm đóng thầu là: ____ giờ ____ phút, ngày ____ tháng 05 năm 2026.
<b>CDNT 19.2</b>	<p>Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro.</p> <p>Nơi nhận: Phòng Lễ tân Văn phòng, Bộ máy điều hành, Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro.</p> <p>Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.</p>
<b>CDNT 20.1</b>	<p>Số lượng HSDT phải nộp: một (01) bản.</p> <p>HSDT kỹ thuật: 01 bản gốc và 0 bản chụp.</p> <p>HSDT thương mại: 01 bản gốc.</p> <p>- File mềm (soft file “excel/word”) chứa copy nội dung Bảng giá chào thầu theo các mẫu quy định ghi trong 01 ổ USB kèm theo/hoặc gửi các</p>

	file tới email <a href="mailto:khanhtq.pt@vietsov.com.vn">khanhtq.pt@vietsov.com.vn</a> sau thời điểm đóng thầu. Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT hoặc đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế, phương án kỹ thuật thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT.
<b>CDNT 21.1</b>	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: ____ giờ ____ phút, ngày ____ tháng 05 năm 2026, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: Phòng mở thầu Vietsovpetro, 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
<b>CDNT 27.2</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 30% giá dự thầu của nhà thầu.
<b>CDNT 28.1</b>	Phương pháp đánh giá HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: “Đạt/ Không đạt” (Theo Tiêu chí đánh giá đính kèm) - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất
<b>CDNT 28.2 (d)</b>	Xếp hạng nhà thầu: <i>Phương pháp giá thấp nhất</i> : “nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất ( <i>trọn gói / từng phần</i> ) được xếp hạng thứ nhất”
<b>CDNT 33.1</b>	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: <u>0%</u> Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: <u>0%</u>
<b>CDNT 33.2</b>	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng
<b>CDNT 37.2</b>	- Người có thẩm quyền: Ông Mai Đăng Tuấn – Phó Tổng giám đốc + Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh. + E-mai: <a href="mailto:tuanmd.cd@vietsov.com.vn">tuanmd.cd@vietsov.com.vn</a>
<b>CDNT 38</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.

## Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

### Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

#### 1.1. Kiểm tra HSDT:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

#### 1.2 Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDT;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

c) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

d) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT;

đ) Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu **nhỏ hơn 20 triệu đồng**, nhà thầu có cam kết trong

đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 CDNT.

e) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;

g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có HSDT không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm<sup>1</sup>**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại HSMT để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của.....[ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam] tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu..

---

<sup>1</sup> Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp HSDT).

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)*	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 445.000.000 VND. - Tài sản ròng **: > 0 trong năm tài chính gần nhất	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành <sup>(6)</sup> tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ <sup>(7)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: _____ <sup>(9)</sup> ; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 163,130,369 VND. - <b>Đã thực hiện xong 100% khối lượng công việc.</b>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

### a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Trường hợp HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
2			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
...				

Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm của nhân sự thực hiện: là người có chuyên môn về báo chí và mỹ thuật; có kinh nghiệm ít nhất 05 năm làm thiết kế, trình bày, minh họa các ấn phẩm báo chí hiện đại (có danh sách và hồ sơ chứng minh năng lực người thực hiện và ít nhất 03 ấn phẩm đã được xuất bản).

### b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này)

Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu

cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm<sup>1</sup>: (không áp dụng)

HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

$t_{ji}$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$w_{ji}$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$k$  = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt.

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

$S_j$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$W_j$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$N$  = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

##### 4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>2</sup>:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT;

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

##### 4.2. Phương pháp giá đánh giá<sup>3</sup>: (không áp dụng)

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovpetro Lô 09-1, giá gói thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu/Thuế tạm nhập tái xuất và VAT chỉ áp dụng cho giá trị hàng hóa nhập khẩu trên tờ khai hải quan sử dụng Danh mục hàng hóa được miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1).

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm.

<sup>2</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá và Khoản 4.3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

<sup>3</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.1. Phương pháp giá thấp nhất và Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá.

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));  
Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));  
Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$GDG = G \pm \Delta G$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- $\Delta G$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng, bao gồm :
  - + Chi phí lãi vay (nếu có);
  - + Chất lượng dịch vụ;
  - + Đấu thầu bền vững (nếu có);
  - + Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu;
  - + Các yếu tố khác (nếu có).

Bước 6. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT

Bước 7. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá đánh giá thấp nhất sau khi tính ưu đãi được xếp hạng thứ nhất.

### **Ghi chú:**

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại

thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có)**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 CDNT, HSDT sẽ được đánh giá như sau:

(Không áp dụng)

#### **Mục 6: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.**

Đối với đề xuất hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa, dịch vụ đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa, dịch vụ đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.



## Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp	<b>Đính kèm HSDT</b>	<b>X</b>	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			<b>X</b>
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh (nếu có)			<b>X</b>
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i> ): <b>không áp dụng</b>	<b>Đính kèm HSDT</b>		
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i> ): <b>không áp dụng</b>			
6	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i> ): <b>không áp dụng</b>			
7	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	<b>Đính kèm HSDT</b>		<b>X</b>
8	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			<b>X</b>
9	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			<b>X</b>
10	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			<b>X</b>
11	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu (không áp dụng)			
12	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			<b>X</b>
13	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			<b>X</b>
14	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ (nếu có)			<b>X</b>
15	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu (nếu có)			<b>X</b>

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
16	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
17	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			X
18	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu			X

**PHẠM VI CUNG CẤP/ YÊU CẦU KỸ THUẬT**

**1. Hạng mục**

<i>TT</i>	<i>Tên ấn phẩm</i>	<i>Số trang (cả bì)</i>	<i>Số bản in</i>	<i>Ghi chú</i>
1.	Bản tin Vietsovpetro số 92	100	900	Phát hành nhân dịp sự kiện Kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Vietsovpetro (19/06/2026), Quý II/2026
2.	Bản tin Vietsovpetro số 93	100	900	Phát hành dịp Kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9
3.	Bản tin Vietsovpetro số 94	100	900	Phát hành dịp Tết Dương lịch 2027

**2. Yêu cầu chung**

2.1. Thể loại ấn phẩm: báo chí in hiện đại.

2.2. Hình thức ấn phẩm: đóng quyển kích thước 20,5cm x 28,5cm gáy ép keo, cán màng mờ các trang bì ngoài.

2.3. Công nghệ và chất lượng in: in 4 màu bằng công nghệ in OFFSET trên 2 mặt giấy của tất cả các trang; màu sắc trung thực, tươi sáng, hiển thị rõ, đẹp, chi tiết các hình ảnh và nội dung đúng thiết kế được Vietsovpetro duyệt.

2.4. Bìa 4 trang, in trên giấy couche 250 gsm, trong đó bì 1 được thiết kế phù hợp với chủ đề của từng số; bì 2 nêu thông tin tổng quan về ấn phẩm; bì 3 và bì 4 theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp.

2.5. Các trang ruột: thiết kế theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp, được in trên giấy couche 100gsm.

2.6. Ngôn ngữ thể hiện: bằng Tiếng Việt và/hoặc Tiếng Nga (khi có yêu cầu) theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp; đơn vị thực hiện nhập tin, bài, ảnh, minh họa; sửa lỗi, điều chỉnh thiết kế theo yêu cầu của Vietsovpetro.

2.7. Sản phẩm đầu ra sau thiết kế: file dữ liệu điện tử đồ họa sử dụng được để in ấn phẩm chất lượng cao, 4 màu bằng máy in OFFSET trên 2 mặt giấy của tất cả các trang.

2.8. Sản phẩm phải được bàn giao dữ liệu cho bên đặt hàng dạng file sách điện tử phổ biến (e-book) để đưa lên các trang tin điện tử (website), đọc được bằng máy vi tính và các loại thiết bị di động thông minh phổ biến hiện nay (smart phone, ipad).

2.9. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm của người thực hiện: là người có chuyên môn về báo chí và mỹ thuật; có kinh nghiệm ít nhất 05 năm làm thiết kế, trình bày, minh họa các ấn phẩm báo chí hiện đại (có danh sách và hồ sơ chứng minh năng lực người thực hiện và ít nhất 03 ấn phẩm đã được xuất bản).

2.10. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm đơn vị cung cấp dịch vụ: được cơ quan có thẩm quyền cấp phép kinh doanh và hoạt động in xuất bản phẩm, có nhân lực đáp ứng yêu cầu, đã thực hiện ít nhất 03 hợp đồng tương tự từ khâu thiết kế đến sản xuất thành phẩm trong vòng 03 năm trở lại đây (gửi kèm 03 ấn phẩm đã được xuất bản).

2.11. Xin phép xuất bản ấn phẩm: đơn vị cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm trọn gói làm thủ tục xin giấy phép xuất bản ấn phẩm của cơ quan có thẩm quyền (*theo văn bản xác nhận nhu cầu xuất bản ấn phẩm của Vietsovpetro*).

2.12. Thời hạn: hoàn thành dự thảo thiết kế trong vòng 10 ngày lịch sau khi được cung cấp nội dung; hoàn thành chỉnh sửa thiết kế trong vòng 03 ngày lịch sau khi được cung cấp nội dung yêu cầu điều chỉnh; xin cấp phép, in ấn và bàn giao thành phẩm trong vòng 07 ngày lịch sau khi được Vietsovpetro duyệt bản in, cụ thể:

- Ấn phẩm số 92 không bàn giao muộn hơn ngày 19/06/2026;
- Ấn phẩm số 93 không bàn giao muộn hơn ngày 02/09/2026;
- Ấn phẩm số 94 không bàn giao muộn hơn ngày 31/01/2027;

2.13. Yêu cầu đóng gói thành phẩm: đóng bao giấy cotton hoặc bao nilon riêng 75 gói 10 cuốn và 30 gói 05 cuốn.

2.14. Nơi giao thành phẩm: Trụ sở Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro, số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp Hồ Chí Minh.



## Mẫu số 02

### ĐƠN DỰ THẦU <sup>(1)</sup>

Ngày: \_\_\_\_

Tên gói thầu: \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ , Mã số thuế \_\_\_\_\_ , cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ số TBMT: \_\_\_\_\_ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_\_\_ cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_\_\_  
[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_\_ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: \_\_\_\_

Cam kết bảo đảm dự thầu: \_\_\_\_\_

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;
8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;
9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 36.1 CDNT của HSMT;
10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>(2)</sup>;
11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm thực hiện hợp đồng (khi được thông báo trúng thầu) theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định thì chúng tôi sẽ bị nêu tên

trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDT.
- (2) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: \_\_\_\_\_

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_\_

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_\_

Căn cứ HSMT Gói thầu: \_\_\_\_\_ - với số TBMT: \_\_\_\_\_

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_\_

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ -thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_ - đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_ - làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDT cho cả liên danh.

*[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1:_____	_____%	_____ VNĐ
		- Công việc 2:_____		
		- Công việc 3:_____		
		.....		
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1:_____	_____%	_____ VNĐ
		- Công việc 2:_____		
		- Công việc 3 _____		
....	.....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>	<b>_____ VNĐ</b>

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được quy định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được quy định trong hợp đồng.

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ thuộc dự án/ dự toán mua sắm \_\_\_\_ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

Ghi chú:

(1) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(không áp dụng)*

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL*]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [*ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [*ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo Thư mời thầu/TBMT số \_\_\_\_\_ [*ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết<sup>(4)</sup> không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua thư tín; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

#### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

**Bên thụ hưởng:**\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:**\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:**\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:**\_\_\_[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/TBMT số\_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày\_\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết<sup>(4)</sup> không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua thư tín; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại

CDNT thi bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)*

Ngày: ..... (Ngày ký hồ sơ mời thầu )

Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu )

Tên dự án: ..... (Tên dự án )

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi: \_\_\_\_\_ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện )

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu ] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu ] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [ tên gói thầu ] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong HSMT, là [ chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi ]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [ điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu ] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu ]. [điền tên nhà thầu ] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.
4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:  
Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro  
Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu  
Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III<sup>(2)</sup></b>			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**Mẫu số 06A****(không áp dụng)****BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu điền đầy đủ thông tin nhân sự chủ chốt, lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong HSDT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

Mẫu số 06B  
(không áp dụng)

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

<b>STT</b>	<b>Tên nhân sự chủ chốt</b>	<b>Từ ngày</b>	<b>Đến ngày</b>	<b>Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan</b>
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH  
DO LỖI CỦA NHÀ THẦU**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT (nhà thầu điền nội dung này)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
<b>Tổng tài sản</b>			
<b>Tổng nợ</b>			
<b>Giá trị tài sản ròng</b>			
<b>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>			
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(2)</sup></b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới

thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

- Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. 1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong HSDT.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

<b>STT</b>	<b>Danh mục dịch vụ</b>	<b>Mô tả dịch vụ</b>	<b>Khối lượng mời thầu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Địa điểm thực hiện dịch vụ</b>	<b>Ngày hoàn thành dịch vụ</b>	<b>Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
...							
3							

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (8): Nhà thầu điền

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**  
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (6): Nhà thầu điền

**MẪU BẢNG CHÀO GIÁ**

Stt	Tên ấn phẩm	Nội dung thực hiện	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	2	3	4	5	6	7
1	Bản tin Vietsovpetro số 92 (100 trang): Phát hành nhân dịp sự kiện Kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Vietsovpetro (19/06/2026), Quý II/2026	Chi phí in ấn, đóng gói, vận chuyển, bàn giao (Bao gồm thiết kế, trình bày, minh họa, chỉnh sửa, xin cấp phép xuất bản) + bản tin điện tử	Cuốn	900		
2	Bản tin Vietsovpetro số 93 (100 trang): Phát hành dịp Kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9	Chi phí in ấn, đóng gói, vận chuyển, bàn giao (Bao gồm thiết kế, trình bày, minh họa, chỉnh sửa, xin cấp phép xuất bản) + bản tin điện tử	Cuốn	900		
3	Bản tin Vietsovpetro số 94: Phát hành dịp Tết Dương lịch 2027 (100 trang)	Chi phí in ấn, đóng gói, vận chuyển, bàn giao (Bao gồm thiết kế, trình bày, minh họa, chỉnh sửa, xin cấp phép xuất bản) + bản tin điện tử	Cuốn	900		
<b>TỔNG CỘNG CHƯA BAO GỒM THUẾ GTGT</b>						
<b>THUẾ GTGT</b>						
<b>TỔNG GIÁ CHÀO</b>						

**Đại diện hợp pháp của công ty**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.





## PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT (Yêu cầu kỹ thuật và Phạm vi cung cấp của đơn hàng DN.BMDH-0355/25 đính kèm theo HSMT)

#### 1. Hạng mục

TT	Tên ấn phẩm	Số trang (cả bìa)	Số bản in	Ghi chú
4.	Bản tin Vietsovpetro số 92	100	900	Phát hành nhân dịp sự kiện Kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Vietsovpetro (19/06/2026), Quý II/2026
5.	Bản tin Vietsovpetro số 93	100	900	Phát hành dịp Kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9
6.	Bản tin Vietsovpetro số 94	100	900	Phát hành dịp Tết Dương lịch 2027

#### 2. Yêu cầu chung

2.1. Thể loại ấn phẩm: báo chí in hiện đại.

2.2. Hình thức ấn phẩm: đóng quyển kích thước 20,5cm x 28,5cm gáy ép keo, cán màng mờ các trang bìa ngoài.

2.3. Công nghệ và chất lượng in: in 4 màu bằng công nghệ in OFFSET trên 2 mặt giấy của tất cả các trang; màu sắc trung thực, tươi sáng, hiển thị rõ, đẹp, chi tiết các hình ảnh và nội dung đúng thiết kế được Vietsovpetro duyệt.

2.4. Bìa 4 trang, in trên giấy couche 250 gsm, trong đó bìa 1 được thiết kế phù hợp với chủ đề của từng số; bìa 2 nêu thông tin tổng quan về ấn phẩm; bìa 3 và bìa 4 theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp.

2.5. Các trang ruột: thiết kế theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp, được in trên giấy couche 100gsm.

2.6. Ngôn ngữ thể hiện: bằng Tiếng Việt và/hoặc Tiếng Nga (khi có yêu cầu) theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp; đơn vị thực hiện nhập tin, bài, ảnh, minh họa; sửa lỗi, điều chỉnh thiết kế theo yêu cầu của Vietsovpetro.

2.7. Sản phẩm đầu ra sau thiết kế: file dữ liệu điện tử đồ họa sử dụng được để in ấn phẩm chất lượng cao, 4 màu bằng máy in OFFSET trên 2 mặt giấy của tất cả các trang.

2.8. Sản phẩm phải được bàn giao dữ liệu cho bên đặt hàng dạng file sách điện tử phổ biến (e-book) để đưa lên các trang tin điện tử (website), đọc được bằng máy vi tính và các loại thiết bị di động thông minh phổ biến hiện nay (smart phone, ipad).

2.9. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm của người thực hiện: là người có chuyên môn về báo chí và mỹ thuật; có kinh nghiệm ít nhất 05 năm làm thiết kế, trình bày, minh họa các ấn phẩm báo chí hiện đại (có danh sách và hồ sơ chứng minh năng lực người thực hiện và ít nhất 03 ấn phẩm đã được xuất bản).

2.10. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm đơn vị cung cấp dịch vụ: được cơ quan có thẩm quyền cấp phép kinh doanh và hoạt động in xuất bản phẩm, có nhân lực đáp ứng yêu cầu, đã thực hiện ít nhất 03 hợp đồng tương tự từ khâu thiết kế đến sản xuất thành phẩm trong vòng 03 năm trở lại đây (gửi kèm 03 ấn phẩm đã được xuất bản).

2.11. Xin phép xuất bản ấn phẩm: đơn vị cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm trọn gói làm thủ tục xin giấy phép xuất bản ấn phẩm của cơ quan có thẩm quyền (*theo văn bản xác nhận nhu cầu xuất bản ấn phẩm của Vietsovpetro*).

2.12. Thời hạn: hoàn thành dự thảo thiết kế trong vòng 10 ngày lịch sau khi được cung cấp nội dung; hoàn thành chỉnh sửa thiết kế trong vòng 03 ngày lịch sau khi được cung cấp nội dung yêu cầu điều chỉnh; xin cấp phép, in ấn và bàn giao thành phẩm trong vòng 07 ngày lịch sau khi được Vietsovpetro duyệt bản in, cụ thể:

- Ấn phẩm số 92 không bàn giao muộn hơn ngày 19/06/2026;
- Ấn phẩm số 93 không bàn giao muộn hơn ngày 02/09/2026;
- Ấn phẩm số 94 không bàn giao muộn hơn ngày 31/01/2027;

2.13. Yêu cầu đóng gói thành phẩm: đóng bao giấy cotton hoặc bao nilon riêng 75 gói 10 cuốn và 30 gói 05 cuốn.

2.14. Nơi giao thành phẩm: Trụ sở Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro, số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp Hồ Chí Minh.

### **PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Mẫu số 12. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 13. Biểu mẫu hợp đồng

**THƯ CHẤP THUẬN HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

Số: \_\_\_\_\_/VP

V/v: Thông báo trúng thầu và trao hợp đồng .... (Gói thầu số .....

Kính gửi: CÔNG TY .....

Đ/c:

Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro thông báo Quý công ty đã trúng thầu gói thầu trên với các điều kiện sau:

- Nội dung trúng thầu: .....
- Giá trị trúng thầu: ..... VND (đã bao gồm thuế GTGT%)
- Thời hạn cung cấp: .....
- Đảm bảo thực hiện hợp đồng: 03% giá trị trúng thầu.
- Các điều khoản, điều kiện khác của hợp đồng theo nội dung đã được hai bên đàm phán và thỏa thuận.

Quý công ty vui lòng cử đại diện có thẩm quyền tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.

Đề nghị Quý công ty gửi thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền 03% giá trị hợp đồng (tương đương ..... VND). Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thời gian thực hiện Hợp đồng cộng thêm 60 ngày lịch.

Trân trọng.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG TTDV**

**NGUYỄN THÀNH MINH**

Nơi nhận: Như trên.

**Biểu mẫu hợp đồng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**

Số:

V/v: Cung cấp dịch vụ “.....”

Căn cứ nhu cầu của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro) và khả năng đáp ứng nhu cầu của Công ty .....

Hôm nay, ngày .... tháng .... năm 2025, chúng tôi gồm:

**BÊN A:      **LIÊN DOANH VIỆT - NGA VIETSOVPETRO****

Đại diện: Ông Mai Đăng Tuấn      Chức vụ: Phó Tổng giám đốc  
(theo ủy quyền của TGD Vietsovpetro số .....

Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Tp. HCM

Điện thoại: +84. 254 3839 871      Fax: +84. 254 3839857

Tài khoản: 008.100.0000011 VND tại Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Vũng Tàu

Mã số thuế: 3500102414

**BÊN B:      **CÔNG TY ...****

Địa chỉ

Điện thoại:

Tài khoản số:

Mã số thuế:

Đại diện:

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

**ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

Bên A đồng ý thuê dịch vụ và Bên B nhận cung cấp dịch vụ thiết kế, in ấn, trình bày, minh họa, xin giấy phép bản in và ấn phẩm điện tử Bản tin Vietsovpetro năm 2025 các số ..... theo hình thức báo chí in hiện đại, đảm bảo quy cách chất lượng như sau:

- Thẻ loại ấn phẩm: báo chí in hiện đại.
- Hình thức ấn phẩm: đóng quyển kích thước 20,5cm x 28,5cm gáy ép keo, cán màng mờ các trang bìa ngoài.
- Công nghệ và chất lượng in: in 4 màu bằng công nghệ in OFFSET trên 2 mặt giấy của

tất cả các trang; màu sắc trung thực, tươi sáng, hiển thị rõ, đẹp, chi tiết các hình ảnh và nội dung đúng thiết kế được Vietsovpetro duyệt.

- Bìa 4 trang, in trên giấy couche 250 gsm, trong đó bìa 1 được thiết kế phù hợp với chủ đề của từng số; bìa 2 nêu thông tin tổng quan về ấn phẩm; bìa 3 và bìa 4 theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp.
- Các trang ruột: thiết kế theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp, được in trên giấy couche 100gsm.
- Ngôn ngữ thể hiện: bằng Tiếng Việt và/hoặc Tiếng Nga (*khi có yêu cầu*) theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp; đơn vị thực hiện nhập tin, bài, ảnh, minh họa; sửa lỗi, điều chỉnh thiết kế theo yêu cầu của Vietsovpetro.
- Sản phẩm đầu ra sau thiết kế: file dữ liệu điện tử đồ họa sử dụng được để in ấn phẩm chất lượng cao, 4 màu bằng máy in OFFSET trên 2 mặt giấy của tất cả các trang.
- Sản phẩm phải được bàn giao dữ liệu cho bên đặt hàng dạng file sách điện tử phổ biến (*e-book*) để đưa lên các trang tin điện tử (*website*), đọc được bằng máy vi tính và các loại thiết bị di động thông minh phổ biến hiện nay (*smart phone, ipad*).

## **ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

Tổng giá trị hợp đồng (sau giảm giá) là: ..... VNĐ, đã bao gồm các loại thuế và phí, cụ thể theo bảng giá trị hợp đồng chi tiết như sau:

<b>Stt</b>	<b>Tên ấn phẩm</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Đvt</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (VNĐ)</b>	<b>Thành tiền (VNĐ)</b>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)=(5)*(6)</i>
1	Bản tin Vietsovpetro số 92 (100 trang): <b>Phát hành nhân dịp sự kiện Kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Vietsovpetro (19/06/2026), Quý II/2026</b>	Chi phí in ấn, đóng gói, vận chuyển, bàn giao ( <i>Bao gồm thiết kế, trình bày, minh họa, chỉnh sửa, xin cấp phép xuất bản</i> ) + bản tin điện tử	cuốn	900		
2	Bản tin Vietsovpetro số 93 (100 trang): Phát hành dịp Kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9	Chi phí in ấn, đóng gói, vận chuyển, bàn giao ( <i>Bao gồm thiết kế, trình bày, minh họa, chỉnh sửa, xin cấp phép xuất bản</i> ) + bản tin điện tử	cuốn	900		
3	Bản tin Vietsovpetro số	Chi phí in ấn, đóng gói, vận chuyển, bàn giao	cuốn	900		

94: Phát hành dịp Tết Dương lịch 2027 (100 trang)	(Bao gồm thiết kế, trình bày, minh họa, chỉnh sửa, xin cấp phép xuất bản) + bản tin điện tử				
<b>TỔNG CỘNG CHƯA BAO GỒM THUẾ GTGT</b>					
<b>THUẾ GTGT 08 %</b>					
<b>TỔNG CỘNG ĐÃ BAO GỒM CÁC LOẠI THUẾ VÀ PHÍ</b>					
(Bằng chữ: ...đồng).					

### **ĐIỀU 3: THỜI HẠN THỰC HIỆN VÀ BÀN GIAO ẢN PHẨM**

#### 3.1 Thời hạn thực hiện công việc:

Bên B phải:

- Hoàn thành dự thảo thiết kế tối đa 10 ngày lịch kể từ ngày được Bên A cung cấp các nội dung cần thiết.
- Hoàn thành chỉnh sửa thiết kế tối đa 03 ngày lịch sau khi sau khi được cung cấp nội dung yêu cầu điều chỉnh của Bên A.
- Hoàn thành việc xin cấp phép, in ấn và bàn giao thành phẩm trong vòng 07 ngày lịch sau khi được Bên A duyệt bản in.

#### 3.2 Thời hạn bàn giao ấn phẩm:

- **Ấn phẩm số 92 không bàn giao muộn hơn ngày 19/06/2026;**
- **Ấn phẩm số 93 không bàn giao muộn hơn ngày 02/09/2026;**
- **Ấn phẩm số 94 không bàn giao muộn hơn ngày 31/01/2027;**

Trường hợp Bên A chậm gửi cho Bên B các hồ sơ tài liệu quy định tại Điều 3.1 thì thời hạn bàn giao ấn phẩm sẽ được kéo dài tương ứng với số ngày chậm của Bên A.

#### 3.3 Khi giao nhận, các ấn phẩm được đóng thành gói, cụ thể như sau:

- 75 gói 10 cuốn
- 30 gói 05 cuốn.
- Toàn bộ các gói ấn phẩm được bao bằng giấy cotton hoặc bao nilon riêng

#### 3.4 Nơi giao nhận ấn phẩm: Trụ sở Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro, số 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu.

### **ĐIỀU 4: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

#### **4.1 Quyền hạn và trách nhiệm của Bên A:**

- Cử cán bộ phối hợp với Bên B để thực hiện hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm cung cấp nội dung cho Bên B theo đúng thời hạn quy định tại Điều 3.
- Chịu trách nhiệm pháp lý ấn phẩm và nhuận bút cho các tác giả.

- Được nhận từ Bên B bản thiết kế đã được duyệt in ở dạng các file điện tử gồm: các file định dạng chuẩn PDF đọc được bằng phần mềm Acrobat Reader (01 file độ phân giải trung bình 300 dpi dùng được cho trang tin điện tử website, 01 file độ phân giải cao 1200 dpi để lưu trữ); các file gốc (native file) trên phần mềm đã sử dụng để thiết kế, dàn trang (các file được chép vào ổ đĩa USB chuyển cho Bên A cùng các bản in).
- Nhận ấn phẩm Bên B bàn giao theo đúng địa điểm và thời hạn quy định của Hợp đồng tại Điều 3.
- Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn quy định của Hợp đồng.

#### **4.2 Quyền hạn và trách nhiệm của Bên B:**

- Thiết kế bìa, tổ chức hình ảnh, nội dung, trình bày thiết kế, vẽ minh họa, sửa lỗi trình bày, lỗi chính tả, in ấn và lập biên bản giao sản phẩm cho Bên A.
- Xin phép xuất bản ấn phẩm: đơn vị cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm trọn gói làm thủ tục xin giấy phép xuất bản ấn phẩm của cơ quan có thẩm quyền (theo văn bản xác nhận nhu cầu xuất bản ấn phẩm của Bên A).
- Cử cán bộ có năng lực thiết kế, minh họa liên hệ, giao dịch gặp trực tiếp cán bộ của Bên A tại Trụ sở số 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu theo thời gian do Bên A đề nghị để tiếp nhận, trao đổi ý tưởng thiết kế, trình bày, nội dung, yêu cầu chỉnh sửa của mỗi số bản tin.
- Lập “Biên bản bàn giao và thống nhất nội dung và hình thức của bản tin” theo mẫu tại Phụ lục số 02 của hợp đồng có xác nhận của đại diện Bên A và Bên B trước khi xin cấp phép, in ấn mỗi ấn phẩm.
- Cung cấp cho Bên A bản thiết kế đã được duyệt in ở dạng các file điện tử gồm: các file định dạng chuẩn PDF đọc được bằng phần mềm Acrobat Reader (01 file độ phân giải trung bình 300 dpi dùng được cho trang tin điện tử website, 01 file độ phân giải cao 1200 dpi để lưu trữ); các file gốc (native file) trên phần mềm đã sử dụng để thiết kế, dàn trang (các file được chép vào ổ đĩa USB chuyển cho Bên A cùng các bản in).
- Được thanh toán đúng thời hạn quy định.

### **ĐIỀU 5: THANH TOÁN**

Thanh toán 100% giá trị dịch vụ bằng chuyển khoản sau khi Bên A nhận được đầy đủ ấn phẩm của mỗi số đúng chất lượng quy định tại Điều 1 của hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành toàn bộ dịch vụ và nhận được bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ đầy đủ của mỗi Số từ Bên B gồm các chứng từ gốc sau:

- Công văn đề nghị thanh toán và hóa đơn VAT của bên B phát hành.
- Biên bản bàn giao và thống nhất nội dung và hình thức của bản tin.
- Biên bản nghiệm thu và bàn giao ấn phẩm được lãnh đạo có thẩm quyền của hai

Bên phê duyệt. (Ban biên tập Bản tin Vietsovpetro sẽ đại diện Bên A ký biên bản này).

- Đối với ấn phẩm Số 88 (Ấn phẩm sau cùng): ngoài các chứng từ thanh toán nêu trên, bên B bổ sung thêm Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng được lãnh đạo có thẩm quyền của hai Bên phê duyệt.

## **ĐIỀU 6: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

Trong vòng 07 ngày sau ngày Bên A gửi thông báo “Kết quả lựa chọn nhà thầu” cho bên B, Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Phụ lục số 1 của hợp đồng này) được cấp bởi Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 03% tổng giá trị hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày dự kiến giao hàng chuyển sau cùng cộng thêm 60 ngày lịch.

6.1 Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.

6.2 Trong thời gian quy định tại mục 6.1 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A.

6.3 Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối/không thực hiện hợp đồng sau khi ký hợp đồng.

6.4 Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.

6.5 Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh này vì lý do chậm giao hàng hoặc gia hạn thời hạn giao hàng, đồng thời gửi ngay cho Bên A giấy Bảo lãnh đã gia hạn hiệu lực.

6.6 Nếu Bên B chậm gia hạn hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng khi có yêu cầu của Bên A bằng văn bản thì phải chịu phạt 0,2% giá trị bảo lãnh tương ứng / mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt bên B do chậm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng của Ngân hàng khi có yêu cầu của Bên A không vượt quá 8% giá trị bảo lãnh tương ứng.

## **ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

7.1 Nếu Bên B chậm bàn giao ấn phẩm không đúng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt 0.2%/ngày (không phải hai phần trăm mỗi ngày) giá trị Hợp đồng bị vi phạm cho 10 (mười) ngày lịch đầu tiên; chịu 0.3%/ngày (không phải ba phần trăm mỗi ngày) cho những ngày lịch tiếp theo. Tổng số tiền phạt không quá 8% (tám phần trăm) giá trị Hợp đồng. Trường hợp, thời gian ấn phẩm chậm 30 (ba mươi) ngày so với quy định tại Điều 3, Bên A có quyền từ chối nhận ấn phẩm.

7.2 Nếu Bên B không giao ấn phẩm quy định trong Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 8% giá trị hợp đồng.

7.3 Nếu Bên B thiết kế, in ấn không đảm bảo chất lượng theo quy định trong Hợp đồng này thì Bên A có quyền không nhận ấn phẩm đó và phạt Bên B theo mức phạt quy định ở Khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng này. Khi đó bằng chi phí của mình, Bên B phải hoàn thiện lại toàn bộ ấn phẩm để giao cho Bên A. Thời gian Bên B hoàn thiện lại ấn phẩm không quá 15 ngày làm việc.

## **ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 8.1 Những vấn đề không quy định trong bản hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo luật pháp hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 8.2 Hai Bên cam kết thực hiện những điều khoản của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng con đường thương lượng trên tinh thần hợp tác, hai bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.
- 8.3 Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng của Trung tâm này. Số lượng trọng tài viên là 03 (ba). Địa điểm giải quyết tại thành phố Hồ Chí Minh. Luật áp dụng là luật Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là Tiếng Việt. Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai bên phải tuân thủ. Án phí do bên thua kiện chịu.
- 8.4 Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng được thanh quyết toán, nếu hai bên không có khiếu nại gì thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 8.5 Hợp đồng này lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC**

**Mai Đăng Tuấn**

...

## PHỤ LỤC SỐ 01 KÈM THEO HỢP ĐỒNG

### YÊU CẦU KỸ THUẬT

**“V/V: THUÊ DỊCH VỤ THIẾT KẾ, TRÌNH BÀY, MINH HOẠ, IN ẤN  
BẢN TIN VIETSOVPETRO NĂM 2025**

#### 1. Hạng mục

TT	Tên ấn phẩm	Số trang (cả bìa)	Số bản in	Ghi chú
7.	Bản tin Vietsovpetro số 92	100	900	Phát hành nhân dịp sự kiện Kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Vietsovpetro (19/06/2026), Quý II/2026
8.	Bản tin Vietsovpetro số 93	100	900	Phát hành dịp Kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9
9.	Bản tin Vietsovpetro số 94	100	900	Phát hành dịp Tết Dương lịch 2027

#### 2. Yêu cầu chung

2.1. Thể loại ấn phẩm: báo chí in hiện đại.

2.2. Hình thức ấn phẩm: đóng quyển kích thước 20,5cm x 28,5cm gáy ép keo, cán màng mờ các trang bìa ngoài.

2.3. Công nghệ và chất lượng in: in 4 màu bằng công nghệ in OFFSET trên 2 mặt giấy của tất cả các trang; màu sắc trung thực, tươi sáng, hiển thị rõ, đẹp, chi tiết các hình ảnh và nội dung đúng thiết kế được Vietsovpetro duyệt.

2.4. Bìa 4 trang, in trên giấy couche 250 gsm, trong đó bìa 1 được thiết kế phù hợp với chủ đề của từng số; bìa 2 nêu thông tin tổng quan về ấn phẩm; bìa 3 và bìa 4 theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp.

2.5. Các trang ruột: thiết kế theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp, được in trên giấy couche 100gsm.

2.6. Ngôn ngữ thể hiện: bằng Tiếng Việt và/hoặc Tiếng Nga (khi có yêu cầu) theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp; đơn vị thực hiện nhập tin, bài, ảnh, minh họa; sửa lỗi, điều chỉnh thiết kế theo yêu cầu của Vietsovpetro.

2.7. Sản phẩm đầu ra sau thiết kế: file dữ liệu điện tử đồ họa sử dụng được để in ấn phẩm chất lượng cao, 4 màu bằng máy in OFFSET trên 2 mặt giấy của tất cả các trang.

2.8. Sản phẩm phải được bàn giao dữ liệu cho bên đặt hàng dạng file sách điện tử phổ biến (e-book) để đưa lên các trang tin điện tử (website), đọc được bằng máy vi tính và các loại thiết bị di động thông minh phổ biến hiện nay (smart phone, ipad).

2.9. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm của người thực hiện: là người có chuyên

môn về báo chí và mỹ thuật; có kinh nghiệm ít nhất 05 năm làm thiết kế, trình bày, minh họa các ấn phẩm báo chí hiện đại (*có danh sách và hồ sơ chứng minh năng lực người thực hiện và ít nhất 03 ấn phẩm đã được xuất bản*).

2.10. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm đơn vị cung cấp dịch vụ: được cơ quan có thẩm quyền cấp phép kinh doanh và hoạt động in xuất bản phẩm, có nhân lực đáp ứng yêu cầu, đã thực hiện ít nhất 03 hợp đồng tương tự từ khâu thiết kế đến sản xuất thành phẩm trong vòng 03 năm trở lại đây (*gửi kèm 03 ấn phẩm đã được xuất bản*).

2.11. Xin phép xuất bản ấn phẩm: đơn vị cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm trọn gói làm thủ tục xin giấy phép xuất bản ấn phẩm của cơ quan có thẩm quyền (*theo văn bản xác nhận nhu cầu xuất bản ấn phẩm của Vietsovpetro*).

2.12. Thời hạn: hoàn thành dự thảo thiết kế trong vòng 10 ngày lịch sau khi được cung cấp nội dung; hoàn thành chỉnh sửa thiết kế trong vòng 03 ngày lịch sau khi được cung cấp nội dung yêu cầu điều chỉnh; xin cấp phép, in ấn và bàn giao thành phẩm trong vòng 07 ngày lịch sau khi được Vietsovpetro duyệt bản in, cụ thể:

- **Ấn phẩm số 92 không bàn giao muộn hơn ngày 19/06/2026;**
- **Ấn phẩm số 93 không bàn giao muộn hơn ngày 02/09/2026;**
- **Ấn phẩm số 94 không bàn giao muộn hơn ngày 31/01/2027;**

2.13. Yêu cầu đóng gói thành phẩm: đóng bao giấy cotton hoặc bao nilon riêng 75 gói 10 cuốn và 30 gói 05 cuốn.

2.14. Nơi giao thành phẩm: Trụ sở Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro, số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp Hồ Chí Minh.

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**- MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**  
....., ngày...tháng...năm...  
**THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

Kính gửi: .....

Liên quan tới Hợp đồng \_\_\_\_\_ về việc \_\_\_\_\_ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, \_\_\_\_\_ có trụ sở chính tại \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là \_\_\_\_\_ (Bằng chữ: \_\_\_\_\_) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến \_\_\_\_\_ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) và không được phép chuyển nhượng. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý.

**NGÂN HÀNG BẢO LÃNH**  
(Ký tên và đóng dấu)

**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----o0o-----

**BIÊN BẢN BÀN GIAO VÀ THỐNG NHẤT NỘI DUNG  
VÀ HÌNH THỨC CỦA BẢN TIN**

Căn cứ hợp đồng số: ..... ký ngày ... tháng năm 2026, giữa Công ty ..... với Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro về việc **cung cấp dịch vụ “Thiết kế, in ấn, trình bày, minh họa, xin giấy phép bản in và ấn phẩm điện tử Bản tin Vietsovpetro năm 2026”**  
*Hôm nay, ngày tháng năm 2026, chúng tôi gồm:*

**BÊN A (Bên thuê): LIÊN DOANH VIỆT – NGA VIETSOVPETRO**

**BÊN B (Cung cấp Dịch vụ): CÔNG TY ....**

Địa chỉ :  
Điện thoại :  
Mã số thuế: :  
Tài khoản :  
Tại :  
Đại diện : Ông ... - Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau lập Biên bản bàn giao và thống nhất nội dung của bản tin Vietsovpetro Số .... theo hợp đồng số: .... về việc **cung cấp dịch vụ “Thiết kế, in ấn, trình bày, minh họa, xin giấy phép bản in và ấn phẩm điện tử Bản tin Vietsovpetro năm 2025”** với nội dung cụ thể như sau:

- Về nội dung của Bản tin bên A giao cho bên B:

+ *In 4 màu bằng công nghệ in Offset trên 2 mặt giấy của tất cả các trang; màu sắc trung thực, tươi sáng, hiển thị rõ, đẹp, chi tiết các hình ảnh và nội dung đúng thiết kế được Vietsovpetro duyệt.*

+ *Bìa 4 trang, in trên giấy couche 250gsm, trong đó bìa 1 được thiết kế phù hợp với chủ đề; bìa 2 nêu thông tin tổng quan về ấn phẩm; bìa 3 và bìa 4 theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp.*

+ *Các trang ruột: Thiết kế theo nội dung Vietsovpetro cung cấp, được in trên giấy couche 100gsm.*

+ *Ngôn ngữ thể hiện: Tiếng Việt, Tiếng Nga theo nội dung do Vietsovpetro cung cấp; đơn vị thực hiện nhập tin, bài, ảnh, minh họa, sửa lỗi, điều chỉnh thiết kế theo yêu cầu của Vietsovpetro.*

+ Sản phẩm đầu ra sau thiết kế: File dữ liệu điện tử đồ họa sử dụng được để in ấn phẩm chất lượng cao, 4 màu bằng máy in Offset trên 2 mặt giấy của tất cả các trang.

- Về hình thức của Bản tin: Đóng quyển kích thước 20,5cm x 28,5cm gáy ép keo, cán màng mờ các trang bìa ngoài.

- Các nội dung khác: .....

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU DỊCH VỤ**  
Hợp đồng số \_\_\_\_\_

Căn cứ hợp đồng số \_\_\_\_\_ ký ngày \_\_\_/\_\_\_/2026 v/v thuê dịch vụ .....

Hôm nay ngày        tháng        năm 2025, hai bên gồm có:

**Bên A: LIÊN DOANH VIỆT NGA VIETSOVPETRO**

1. Ông \_\_\_\_\_ – Chức vụ:
2. Ông \_\_\_\_\_ – Chức vụ
3. Bà \_\_\_\_\_ – Chức vụ
4. Bà \_\_\_\_\_ – Chức vụ

**BÊN B:**

1. Ông/ Bà \_\_\_\_\_ - Chức vụ

Sau khi thực hiện việc cung cấp dịch vụ theo hợp đồng số \_\_\_\_\_ ký ngày \_\_\_/\_\_\_/2025 v/v thuê dịch vụ ....., hai bên thống nhất ký biên bản xác nhận khối lượng dịch vụ với nội dung như sau:

**ĐIỀU 1:**

- ✓ Nghiệm thu hợp đồng số \_\_\_\_\_ ký ngày \_\_\_/\_\_\_/2025, giữa LIÊN DOANH VIỆT NGA VIETSOVPETRO và \_\_\_\_\_ khối lượng công việc cụ thể như sau:

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng theo Hợp đồng	Số lượng theo Thực tế
1				

2				
3				
...				
...				

**ĐIỀU 2:**

- ✓ Kể từ thời điểm lập và ký biên bản nghiệm thu này, hai bên xác nhận rằng Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc, nghĩa vụ, trách nhiệm đã thỏa thuận trong hợp đồng số \_\_\_\_\_ ký ngày /\_\_/2025.
- ✓ Hai bên cùng cam kết sẽ không thắc mắc khiếu nại bất kỳ vấn đề gì liên quan đến khối lượng công việc của hợp đồng số \_\_\_\_\_ ký ngày /\_\_/2025 giữa LIÊN DOANH VIỆT NGA VIETSOVPETRO và \_\_\_\_\_.
- ✓ Biên bản nghiệm thu hợp đồng này được thành lập 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Đảng ủy Vietsovpetro**

**PHỤ LỤC SỐ 04 - Mẫu thư tín giao dịch thực hiện hợp đồng**

Ngày      tháng      năm 2025

**Kính gửi:** Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro  
(ghi địa chỉ số Fax của Bên giao dịch)

Người nhận: Ông Mai Đăng Tuấn – Phó Tổng giám đốc Vietsovetro

Sao gửi: Ông Nguyễn Thành Minh – Trưởng phòng TTDV, BMDH

Email: khanhtq.pt@vietsov.com.vn

*V/v: (Ghi nội dung giao dịch về: Thay đổi về Dịch vụ, tiến độ, các nội dung liên quan tới giá trị HĐ, thanh toán.....)*

**ĐẠI DIỆN ....**  
**(Ký tên và đóng dấu)**

**PHỤ LỤC SỐ 05**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

.....

**BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng số .....

✓ Căn cứ hợp đồng số ..... ký ngày ..... tháng ..... năm 2026 Về việc .....

✓ Căn cứ kết quả thực hiện hợp đồng và Biên bản nghiệm thu Dịch vụ;

✓ Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2026, tại **LIÊN DOANH VIỆT NGA VIETSOVPETRO**, hai bên gồm có:

**BÊN A:** **LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO**

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: 0254 3839871/ 3839872

Fax: 0254 3839857

Tài khoản số: 0081000000011, tại Ngân hàng Ngoại thương, CN Vũng Tàu.

Mã số thuế: 3500102414

Do ông: **Mai Đăng Tuấn** - Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

(Theo giấy ủy quyền số ..... ngày .....

**BÊN B:** .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Fax: .....

Tài khoản số: .....

.....

Do bà: ..... – Giám Đốc

Hai bên thống nhất quyết toán Hợp đồng số ..... ký ngày ..... tháng ..... năm 2025 về việc Cung cấp dịch vụ tổ chức ..... với nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1 : Các công việc đã thực hiện**

1.1 Bên B đã Cung cấp dịch vụ tổ chức ..... theo đúng các yêu cầu của Bên A được quy định trong hợp đồng:

- Thời gian : Từ ngày .....
- Địa điểm cung cấp dịch vụ: .....
- Số lượng người tham dự : ..... người

1.2 Bên B đã cung ứng dịch vụ . ..... cho ..... khách của Bên A theo đúng các yêu cầu của Bên A được quy định tại Hợp đồng ...

**Điều 2: Giá trị quyết toán của hợp đồng**

2.1 Giá trị theo hợp đồng đã ký: ..... VNĐ đã bao gồm thuế GTGT (Bằng chữ: .....

Trong đó:

Giá trị thực hiện thực tế là: ..... VNĐ (*Bằng chữ:* .....) đã bao gồm toàn bộ các chi phí và tiền thuế GTGT để bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình quy định trong hợp đồng này. Chi tiết như sau:

STT	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
<b>Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ (Chưa bao gồm thuế GTGT)</b>					
<b>Tiền thuế GTGT .....</b>					
<b>Tổng cộng tiền thanh toán (Bao gồm thuế GTGT)</b>					

(*Bằng chữ:* .....)

Giá trên đã bao gồm toàn bộ chi phí và tiền thuế GTGT để bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này.

2.2 Số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B là **0 VNĐ**

2.3 Số tiền Bên A còn phải thanh toán cho bên B là: ..... VNĐ – đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (*Bằng chữ:* .....).

- Đơn vị thụ hưởng: .....
- Số tài khoản: .....
- Tại Ngân hàng: .....

2.4 Bên A sẽ thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên B số tiền nêu trên trong vòng 30 ngày sau khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B theo đúng quy định trong Hợp đồng.

### **Điều 3: Điều khoản chung**

3.1 Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng số ..... ký ngày ..... tháng ..... năm 2024 sau khi Bên A thanh toán cho Bên B hết số tiền nêu trên, không bên nào khiếu kiện bên nào.

3.2 Biên bản quyết toán Hợp đồng được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản để thực hiện. Mọi ý kiến trái với quyết toán Hợp đồng này đều không có giá trị.

**PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC CỦA**  
**gói thầu Đơn hàng ..... (đính kèm các phụ lục của HSMT)**

**1.** Yêu cầu kỹ thuật, nhiệm vụ kỹ thuật và Bảng tiêu chí đánh giá kỹ thuật đã được Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt (gồm 05 trang).

**2.** Bảng khối lượng mời thầu / danh mục chi tiết đặt hàng (gồm 01 trang)

*Yêu cầu nhà thầu chào đúng, đủ và chính xác số lượng, chủng loại và đơn vị tính theo Bảng khối lượng mời thầu chi tiết / danh mục chi tiết đặt hàng.*